

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bảng thang điểm lựa chọn xã xây dựng nông  
thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010 - 2015.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 21/8/2009 hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 01/11/2010 của UBND tỉnh về ban hành bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 28/10/2010 của UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 của tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 23/SNN-PTNT ngày 11 /01/2011,

**QUYẾT ĐỊNH:**

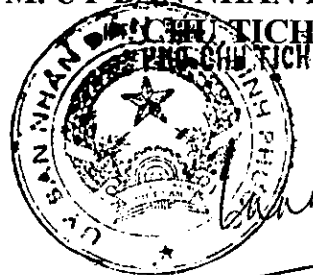
**Điều 1.** Ban hành Bảng thang điểm lựa chọn xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010 - 2015.

**Điều 2.** Bảng thang điểm là căn cứ để ban chỉ đạo các huyện, thị xã rà soát, đánh giá, cho điểm và lựa chọn các xã thực hiện mô hình nông thôn mới của huyện, thị xã giai đoạn 2010 - 2015.

**Điều 3** Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành; Chủ tịch: UBND các huyện, thị xã, các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực, kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**



Nơi nhận:

- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các P.CT;
- Như điều 3;
- LĐVP;
- Lưu: VT (Hoàn-qđ5-2011). 40K

**Bùi Văn Danh**

**BẢNG THANG ĐIỂM LỰA CHỌN XÃ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2010 - 2015**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số.../32./QĐ-UBND ngày 18/01/2010 của UBND tỉnh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chí NTM Theo Quyết định 2535/QĐ-UBND	Đánh giá			Điểm chuẩn		
				Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 1	Mức 2	Mức 3
<b>TỔNG CỘNG</b>									
<b>I. QUY HOẠCH</b>									
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1 Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ	Đạt	Chưa có quy hoạch	Mới có quy hoạch sử dụng đất	Đạt	2	3	5
		1.2 Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới.		Chưa có quy hoạch	Mới có QH phát triển HT	Đạt	2	3	5
		1.3 Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp.		Chưa có quy hoạch	Có 01 khu quy hoạch	Đạt	2	3	5
<b>II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI</b>									
2	Giao thông	2.1 Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn, theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải	100 %	< 40 %	từ 40 - 75 %	> 75 %	2	4	6
		2.2 Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải	50 %	< 20 %	từ 20 - 40 %	> 40 %	2	4	6
		2.3 Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lấy lợi vào mùa mưa.	100 % cứng hóa	< 20 %	từ 20 - 75 %	> 75 %	0	2	4
		2.4 Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện.	100 %	< 20 %	từ 20- 75 %	> 75 %	0	2	4
3	Thủy lợi	3.1 Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh	Đạt	Không có hệ thống TL	Có nhưng chưa đáp ứng	Đạt	2	3	5
		3.2 Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa	85 %	< 50 %	từ 50 - 75 %	> 75 %	2	3	5

4	Điện	4.1 Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt	Chưa đạt	Cơ bản đạt về đường trung thế, TBA	Đạt	3	4	6
		4.2 Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	99 %	< 50 %	từ 50 - 75 %	> 75 %	3	4	7
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	100 %	< 50 %	từ 50 - 75 %	> 75 %	3	5	10
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1 Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch	Đạt	Chưa đạt	Mới có nhà văn hoá đạt	Đạt	2	3	5
		6.2 Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch	100 %	Chưa đạt	Mới có nhà văn hoá đạt	Đạt	2	3	5
7	Chợ nông thôn	Chợ đạt chuẩn của Bộ Xây dựng	Đạt	Chưa có chợ	Có chợ nhưng chưa đạt chuẩn	Đạt	3	5	7
8	Bưu điện	8.1 Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông.	Đạt	Chưa có	Có nhưng chưa đạt	Đạt	2	3	5
		8.2 Có Internet đến thôn	Đạt	Chưa có	Có đến trung tâm xã	Đạt	2	3	5
9	Nhà ở dân cư	9.1 Nhà tạm, dột nát	Không	Trên 3 % số hộ	Dưới 3 % số hộ	Không có	2	3	5
		9.2 Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng	90 %	< 50 %	từ 50 - 75 %	> 75 %	2	3	5
<b>III. KINH TẾ VÀ TỎ CHỨC SẢN XUẤT</b>									
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm so với mức bình quân chung khu vực nông thôn của tỉnh	1,5 lần	< 1 lần	từ 1-1,2 lần	Trên 1,2 lần	2	3	5
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	3 %	Trên mức bình quân của tỉnh (năm 2010:6,51%)	Từ 4 %-mức bình quân của tỉnh	< 4 %	1	3	5
							6	12	20

12	Cơ cấu lao động	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp	20 %		Trên 40 %	Từ 30-40%	Dưới 30 %	2	3	5
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả	Có		Không	Có 01	Có từ 02 trở lên	1	3	5
<b>IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG</b>										
14	Giáo dục	14.1 Phổ cập giáo dục trung học	Đạt		Chưa đạt	Mới phổ cập TH	Đạt	1	3	4
		14.2 Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	90 %		< 50 %	từ 50 - 75 %	> 75 %	1	2	3
		14.3 Tỷ lệ lao động qua đào tạo	> 40 %		< 20 %	từ 20 - 30 %	> 30 %	1	2	3
15	Y tế	15.1 Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế	40 %		< 20 %	từ 20 - 30 %	> 30 %	1	3	5
		15.2 Y tế xã đạt chuẩn quốc gia	Đạt		Chưa đạt	Mới có cơ sở y tế đạt, chưa đạt về đội ngũ bác sỹ	Đạt	1	3	5
16	Văn hóa	Xã có từ 70 % số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch	Đạt		< 30 % thôn, ấp đạt	từ 30 - 50 % thôn, ấp đạt	> 50 % thôn, ấp đạt	2	5	7
17	Môi trường	17.1 Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia	90 %		< 50 %	từ 50 - 75 %	> 75 %	0	1	2
		17.2 Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường	Đạt		Đạt < 20 %	Đạt từ 20 - 50 %	Đạt > 50 %	0	1	2
		17.3 Không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp	Đạt		Chưa có	Không hoặc có	Đạt	0	1	2
		17.4 Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch	Đạt		Chưa có	Có nghĩa trang nhưng không theo quy hoạch	Đạt	0	1	2
		17.5 Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định	Đạt		Chưa đạt	Có thu gom nhưng chưa xử lý	Đạt	0	1	2
<b>V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ</b>										
								9	22	38



18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.1 Cán bộ chủ chốt của xã có trình độ chuyên môn đạt Quận lý đề án NTM	Đạt	Yêu	Trung bình	Khá	2	5	10
		18.2 Cán bộ xã đạt chuẩn	Đạt	< 50 %	từ 50 - 70 %	> 70 %	2	5	10
		18.3 Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	< 50 %	từ 50 - 80 %	> 80 %	2	5	7
		18.4 Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "Trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Yêu, kém	Đạt	Trong sạch, vững mạnh	1	2	3
		18.5 Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên	Đạt	< 50 %	từ 50 - 80 %	> 80 %	1	2	3
19	An ninh, trật tự xã hội	An ninh, trật tự xã hội được giữ vững	Đạt	3 năm liên tiếp có tội phạm và tệ nạn xã hội	3 năm liên tiếp không có tội phạm nhưng còn tệ nạn xã hội	Đạt	1	3	5

**Xếp hạng và lựa chọn:** Xếp hạng theo thứ tự từ điểm cao xuống điểm thấp. Xã nào có số điểm cho ở các tiêu chí, nêu có xã cùng số điểm thì xếp theo thứ tự sau đây sẽ được xếp hạng cao hơn.

1. Tiêu chí 18.1
2. Tiêu chí 18.2
3. Tiêu chí 18.5
4. Tiêu chí 16
5. Tiêu chí 10
6. Tiêu chí 11
7. Tiêu chí 1.1
8. Tiêu chí 2.1
9. Tiêu chí 2.2
10. Tiêu chí 2.3

Ví dụ: Xã A và B có số điểm bằng nhau, nhưng tiêu chí 18.1 xã A có số điểm cao hơn xã B thì xã A được xếp hạng cao hơn xã B. Trường hợp tiêu chí 18.1 xã A và B có số điểm bằng nhau thì xét tới tiêu chí xếp thứ tự thứ 2 trong danh sách xếp thứ tự ưu tiên trên đây. Đó là tiêu chí 18.2 xã B điểm cao hơn xã A thì xếp xã B hạng cao hơn xã A. Cứ tiếp tục xếp cho đến tiêu chí xếp thứ 10. Sau khi xếp hạng từ hạng cao nhất đến hạng thấp nhất theo quy định mỗi huyện, thị xã sẽ chọn 02 xã xếp hạng cao nhất (hạng nhất, hạng nhì) để thực hiện chương trình nông thôn mới giai đoạn 2010-2015, để chỉ đạo các xã được chọn thực hiện.

